

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THÁI HOÀ
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 27/2021/HS-ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Diêu Anh Tuấn.
2. Ông Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Xuân Quyền - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 24/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST-HS ngày 15/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/HSST-QĐ ngày 29/6/2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn C, tên gọi khác: Không; sinh ngày 19 tháng 02 năm 1979, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Kim C, sinh năm 1954 và bà Hồ Thị L, sinh năm 1955; Vợ: Vũ Thị H, sinh năm 1976; con: Có 01 con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 09 tháng 3 năm 2015 bị Toà án nhân dân quận T, thành phố H áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 18 (mười tám) tháng theo quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 79/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 16 tháng 7 năm 2016.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 bị Toà án nhân dân thị xã D, tỉnh B xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” theo bản án số 138/2018/HS-ST ngày 12/6/2018, chấp hành xong bản án ngày 17/01/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2021, đến nay (có mặt).

- Người bị hại: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1974

Trú tại: Khối D, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975

Trú tại: Xóm T, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

+ Anh Trịnh Quốc V, sinh năm 2000.

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 3 năm 2021, Trần Văn C một mình đón xe buýt đi từ xã N, thị xã T lên khối D, phường Q, thị xã T để chơi. Đến khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, C đi bộ dọc theo tuyến đường Quốc lộ 48 để đón xe buýt về nhà. Khi đi qua cửa hàng “Th H” chuyên mua bán điện thoại di động, đồng hồ, kính thuốc và hàng tạp hóa thuộc khối D, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An do chị Hoàng Thị H làm chủ, Trần Văn C đi vào để mua thuốc lá. Tại thời điểm này, cửa hàng mở cửa nhưng không có ai trông coi, Trần Văn C phát hiện trong tủ kính đựng phía trong cửa hàng có 02 (hai) chiếc điện thoại gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng bạc và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Wiko W-K200 (sunny 3 plus), chưa qua sử dụng, nên đã nảy sinh ý định trộm cắp 02 (hai) chiếc điện thoại nêu trên để bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng. Sau khi quan sát thấy xung quanh không có ai, Trần Văn C đã lén lút dùng tay phải lấy trộm 02 (hai) chiếc điện thoại nêu trên bỏ vào trong túi quần bên phải, phía trước mà Trần Văn C đang mặc rồi bỏ chạy theo đường Quốc lộ 48. Sau đó, C đón xe buýt đi lên khu vực ngã 3 Săng L thuộc huyện Q, tỉnh Nghệ An để tìm nơi tiêu thụ. Tại đây, Trần Văn C vào cửa hàng kinh doanh điện thoại di động “H Đ” thuộc xóm T, xã T, huyện Q, Nghệ An do chị Nguyễn Thị Đ làm chủ và bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Wiko W-K200 (Sunny 3 plus) mà Trần Văn C đã trộm trước đó cho chị Nguyễn Thị Đ với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Sau khi mua chiếc điện thoại nêu trên thì chị Nguyễn Thị Đ đã bán lại cho một người đàn ông không quen biết với giá tiền bao nhiêu và vào khoảng thời gian nào thì chị Đ không nhớ rõ.

Sau khi bán điện thoại cho chị Đ, Trần Văn C dùng toàn bộ số tiền đó tìm mua ma túy từ một người đàn ông không quen biết để sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, Trần Văn C đón xe buýt trở về nhà thuộc xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An và lấy chiếc điện thoại di động OPPO F1S màu trắng bạc ra, lắp sim vào sử dụng, sau đó cất giấu dưới gối ở trên giường trong phòng ngủ của mình. Đến khoảng 17 giờ ngày 16/3/2021 vì cần tiền mua ma túy để sử dụng nên Trần Văn C tiếp tục lấy chiếc điện thoại OPPO F1S đã trộm cắp được của chị Hoàng Thị H rồi đón xe buýt đi đến cửa hàng điện thoại di động “Đ V” thuộc khối T, phường H, thị xã T do anh Trịnh Quốc V làm chủ để bán. Tại đây, Trần Văn C đã đồng ý bán chiếc điện thoại OPPO F1S cho anh Việt với số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng). Sau đó, Trần Văn C sử dụng toàn bộ số tiền đó để mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 9 giờ ngày 20/3/2021, nhận thức được hành vi “Trộm cắp tài sản” của mình là vi phạm pháp luật nên Trần Văn C đã đến Công an thị xã Thái Hòa xin đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KLĐG ngày 24/03/2021 của hội đồng định giá tài sản UBND thị xã Thái Hòa xác định: 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng bạc, số imel 1: 862023038135074; số imel 2: 862023038135066, chưa qua sử dụng có giá trị 3.000.000 đồng (ba triệu đồng đồng); 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Wiko w200 (Sunny 3plus), màu trắng sữa, chưa qua sử dụng có giá trị 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Tổng giá trị tài sản Trần Văn C đã chiếm đoạt của chị Hoàng Thị H vào ngày 12/03/2021 là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 19 tháng 5 năm 2021, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Trần Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Hoàng Thị H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 - BLHS; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 - BLDS buộc bị cáo Trần Văn C phải có nghĩa vụ bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Quốc V số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an thị xã Thái Hoà đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra cũng như vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với các tài liệu,

chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại cửa hàng “T H” thuộc khối D, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An, Trần Văn C đã lén lút, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã thực hiện trộm cắp tài sản của chị Hoàng Thị H 02 điện thoại di động gồm 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO F1S, màu trắng bạc, số imel 1: 862023038135074; số imel 2: 862023038135066, chưa qua sử dụng và 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Wiko w200 (Sunny 3plus), màu trắng sữa, chưa qua sử dụng. Tổng giá trị tài sản mà Trần Văn C trộm cắp của chị Hoàng Thị H là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Nên hành vi của bị cáo Trần Văn C đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 - BLHS, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản, gây bất bình trong xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng với bản chất lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Mặc dù bị cáo không có tình tiết tăng nặng nhưng bị cáo có nhân thân xấu vào năm 2015 bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố H áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đến năm 2018 bị cáo lại tiếp tục bị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B xử phạt 06 tháng tù về tội “ trộm cắp tài sản” tuy đã đương nhiên xoá án tích. Nhưng bị cáo không lấy đó là bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 - BLHS thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Hoàng Thị H đã nhận được chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, F1S, màu trắng bạc do bị cáo trộm cắp nên không yêu cầu gì, còn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Wikio w200 (sunny 3plus) màu trắng sữa mặc dù chị H chưa nhận lại nhưng chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Xét ý kiến của chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 192 và 194 - BLDS, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trên, nên miễn xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Đ trình bày chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Wikio w200 (sunny 3plus) màu trắng sữa mà chị Đ đã mua của bị cáo, khi mua chị không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên sau đó chị đã bán cho người khác nên chị không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Quốc V mặc dù anh vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt anh V yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh số tiền là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) mà anh mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, F1S, màu trắng bạc do bị cáo trộm cắp. Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận bồi thường cho anh V số tiền 800.000 đồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 48 - BLHS; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 - BLDS buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trịnh Quốc V số tiền trên.

[6] Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Đối với anh Trịnh Quốc V và chị Nguyễn Thị Đ là những người đã mua tài sản do bị cáo trộm cắp. Tuy nhiên quá trình mua bán anh V, chị Đ đều không biết tài sản do bị cáo trộm cắp mà có nên anh V, chị Đ không phạm tội.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Trần Văn C 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/3/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 - BLHS; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 - BLDS: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh Trịnh Quốc V số tiền 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại chị Hoàng Thị H, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Quốc V, chị Nguyễn Thị Đ vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QL & NV liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Văn Diên